TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2116/2023/KDTM-ST
Ngày: 27/06/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng
Mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Lũy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phước

2. Bà Nguyễn Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hằng Nga – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 230/2022/KDTM-ST ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 230/2023/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 05 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 5357/2023/QĐST-TA ngày 31 tháng 05 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH C

Trụ sở: Khu phố P, phường M, Thị xã P, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Ủy quyền bà Cao Thị Ngọc H, sinh năm 1994

Địa chỉ: G04 C, số A, M, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Công ty TNHH X

Trụ sở: Tầng H, khu phức hợp Catavil A, số A, đường S Hà Nội, phường A, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Bà Trần Huỳnh Hương G là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH X

Địa chỉ: A Imperia A, phường A, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

(Bà H có đơn xin vắng mặt, Công ty TNHH X có bà Trần Huỳnh Hương G là đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên Tòa ngày hôm nay bà Cao Thị Ngọc H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH C tuy vắng mặt nhưng theo nội dung đơn khởi kiện, tại bản tự khai, tại biên bản về việc không tiến hành hòa giải được thì nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Ngày 17/12/2020, Công ty C có giao kết với Công ty X hợp đồng mua bán hàng hóa số HĐ-AV2844-015 (sau đây gọi là Hợp đồng) về việc mua bán sản phẩm đèn LED, với tổng giá trị Hợp đồng là 744.238.000 đồng, đơn giá trên đã bao gồm cả thuế giá trị gia tăng. Theo đó, Công ty C có nghĩa vụ cung cấp đèn LED có quy cách cụ thể từng loại và số lượng theo yêu cầu của Công ty X. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thì Công ty C đã thực hiện theo thỏa thuận về việc giao nhận đầy đủ hàng hóa và xuất hồ sơ thanh toán (bao gồm hóa đơn giá trị gia tăng, đơn giao hàng, giấy bảo hành, thư đề nghị thanh toán, CO). Đến ngày 22/01/2021, Công ty C đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ theo Hợp đồng. Căn cứ theo điều khoản thanh toán tại Điều 3 của Hợp đồng, thì Công ty X sẽ phải thanh toán toàn bộ giá trị Hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hàng hóa và hóa đơn VAT. Tuy nhiên, dù Công ty X đã nhận được các đơn hàng theo yêu cầu và hóa đơn cho những đơn hàng đó nhưng phải đến ngày 18/03/2021 thì Công ty X mới gửi số tiền thanh toán là 144.238.000 đồng cho Công ty C. Theo đó, số tiền nợ còn lại là 600.000.000 đồng. Kể từ lần thanh toán đầu tiên vào ngày 18/03/2021 cho đến nay thì khoản nợ 600.000.000 đồng vẫn chưa được thanh toán đủ. Sau nhiều lần liên hệ nhưng không nhận được phản hồi cụ thể nào từ phía Công ty X về việc thanh toán khoản nợ nói trên. Theo Điều 3 của Hợp đồng thì Công ty X có trách nhiệm thanh toán sau khi nhận được hàng hóa và hồ sơ thanh toán. Đồng thời, theo Điều 50 Luật Thương mại thì Công ty X có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng như thỏa thuận. Do đó, việc Công ty X

mua hàng nhưng chưa thanh toán đủ số tiền theo đúng thời hạn thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Hành vi này đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty C. Nay tại Tòa, Công ty TNHH C yêu cầu Tòa án xử buộc Công ty TNHH X phải trả cho Công ty TNHH C số tiền hàng còn thiếu là 600.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tiền mua hàng với số tiền 140.000.000 đồng (thời gian tạm tính từ ngày 22 tháng 2 năm 2021 đến 27 tháng 06 năm 2023). Tổng cộng là 740.000.000 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH X và KT HG ENC vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nên Tòa án không thu thập được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa có bà Nguyễn Ngọc B - kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Vụ án trên đã được Toà án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết đúng theo trình tự mà Bộ luật Tố tụng dân sự đã quy định.

Về nội dung yêu cầu của nguyên đơn: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ và chứng minh công khai tại phiên tòa, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp giữa Công ty TNHH C và Công ty TNHH X và KT HG ENC là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, do đó căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận, huyện. Công ty TNHH X hiện có trụ sở tại Thành phố T do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Công ty TNHH X và KT HG ENC là bị đơn trong vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định để Công ty TNHH X đến Tòa cung cấp lời khai, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và nghe xét xử nhưng Công ty TNHH X vẫn không đến Tòa, không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình và không có lý

do. Thái độ bất hợp tác của Công ty TNHH X đã thể hiện sự không tôn trọng pháp luật, không tôn trọng Toà án, hành vi trên cũng đồng nghĩa với việc từ bỏ nghĩa vụ cũng như quyền lợi của mình mà pháp luật đã qui định. Nguyên đơn có đơn xin được vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung

2. Về nội dung tranh chấp:

Công ty TNHH C khởi kiện Công ty TNHH X, yêu cầu Công ty TNHH X và KT HG ENC phải thanh toán cho Công ty TNHH C số tiền còn thiếu là 600.000.000 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán tính từ tính từ ngày 22 tháng 2 năm 2021 đến ngày 27 tháng 06 năm 2023 trên số tiền còn thiếu là 600.000.000 đồng. Trả 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét:

[2.1] Công ty TNHH C khởi kiện Công ty TNHH X và KT HG ENC, kèm theo đơn là các tài liệu chứng minh Công ty TNHH X và KT HG ENC có nợ tiền Công ty TNHH C. Tòa án đã triệu tập Công ty TNHH X đến Tòa để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên Tòa nhưng Công ty TNHH X đều không đến Tòa, không có văn bản phản đối nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện không thuộc trường hợp phải chứng minh. Công ty TNHH X và KT HG ENC phải chịu tránh nhiệm về yêu cầu khởi kiện và những tài liệu, chứng cứ mà Công ty TNHH C đưa ra.

[2.2] Về yêu cầu Công ty TNHH X và KT HG ENC trả tiền mua hàng 600.000.000 đồng. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của bà Cao Thị Ngọc H cho thấy giữa Công ty TNHH C và Công ty TNHH X ENC có ký với nhau Hợp đồng mua bán hàng hóa số HĐ-AV2844-015 ngày 17/12/2020 về việc mua bán sản phẩm đèn LED, với tổng giá trị Hợp đồng là 744.238.000 đồng, đơn giá trên đã bao gồm cả thuế giá trị gia tăng. Theo nội dung đã nêu trong hợp đồng, Công ty TNHH C đã giao hàng cho Công ty TNHH X và KT HG ENC, số tiền mà Công ty TNHH X phải thanh toán cho Công ty TNHH C là 744.238.000 đồng. Trong thực tế, Công ty TNHH X đã thanh toán cho Công ty TNHH C số tiền 144.238.000 đồng, số tiền còn lại mà Công ty TNHH X còn phải tiếp tục trả cho Công ty TNHH C là 600.000.000 đồng. Tuy nhiên sau khi Công ty TNHH C thanh toán được số tiền 144.238.000 đồng, số tiền còn lại 600.000.000 đồng, Công ty TNHH X và KT HG ENC không thanh toán cho Công ty TNHH C, nay Công ty TNHH C yêu cầu Công ty TNHH X phải trả cho Công ty TNHH C số tiền còn thiếu chưa thanh toán là 600.000.000 đồng. Yêu cầu của Công ty TNHH C là có cơ sở, đúng pháp luật, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

[2.3] Yêu cầu trả tiền lãi suất chậm thanh toán từ ngày 22 tháng 02 năm 2021 đến ngày 27 tháng 06 năm 2023 trên số tiền còn thiếu là 600.000.000 đồng: Như đã phân tích tại [2.2] thì Công ty TNHH X và KT HG ENC chưa thanh toán cho Công ty TNHH C số tiền còn thiếu là 600.000.000 đồng. Việc Công ty TNHH X và KT HG ENC không thanh toán tiền mua hàng cho Công ty TNHH C đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH C, nay Công ty TNHH C yêu cầu Công ty TNHH X và KT HG ENC phải trả lãi do Công ty TNHH X và KT HG ENC chậm thanh toán trên số tiền còn thiếu đến ngày Tòa xét xử, căn cứ quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, yêu cầu của Công ty TNHH C là có cơ sở, đúng pháp luật, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhân. Tiền lãi được tính như sau: 0.02740% x 600.00.000 đồng x 855 ngày = 140.000.000 đồng.

[2.4] Về thời gian trả nợ, như phân tích tại [2.1], [2.2] và [2.3] thì Công ty TNHH X đã vi phạm thời gian thanh toán như hai bên đã thỏa thuận. Việc Công ty TNHH X vi phạm thời gian thanh toán đã làm ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty TNHH C. Nay Công ty TNHH C yêu cầu Công ty TNHH X phải trả 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là hoàn toàn có cơ sở không trái pháp luật. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận;

[2.5] Về đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức tại phiên tòa hôm nay về tố tụng Thẩm phán và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định. Về nội dung vụ án, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức là có cơ sở;

Từ những phân tích tại [2.1], [2.2], [2.3], [2.4], [2.5] cho thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C là có cơ sở, đúng pháp luật, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn;

[3] Về án phí:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

- Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm vì yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 180, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về Án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty TNHH C về yêu cầu Công ty TNHH X và KT HG ENC trả tiền hàng và tiền lãi do chậm thanh toán tiền hàng.

Buộc Công ty TNHH X phải trả cho Công ty TNHH C số tiền 740.000.000 đồng, trong đó nợ tiền mua hàng là 600.000.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 140.000.000 đồng. Trả 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 20%/năm. Nếu không có thỏa thuận thì lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn qui định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[2] Về án phí:

[2.1] Công ty TNHH X phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 33.600.000 đồng. Công ty TNHH X và KT HG ENC chưa nộp án phí.

[2.2] Hoàn lại cho Công ty TNHH C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.856.184 đồng theo Biên lai thu số 0006542 ngày 27 tháng 10 năm 2022

của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh lập.

[3] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được tống đạt hoặc ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân phường.

Nơi nhận:
-TAND TP.HCM;
-VKSND TP Thủ Đức;
- Chi Cục THADS TP Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu (P/10).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Lũy